

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6106/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 11 năm 2015

V/v bổ sung đơn giá chưa có
trong hợp đồng dịch vụ kỹ
thuật số 26/QN-T-
013.2/2013/HĐ-VLAP ngày
25/02/2013 thuộc dự án VLAP

| | |
|--------------------------------------|--|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI | |
| CV ĐẾN | Số: 9/MT Ngày: 12/11/15 Chuyên: Cảnh sát |

Kính gửi: Các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường

đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2281/STNMT-VP ngày 17/9/2015 và Sở Tài chính tại Công văn số 2865/STC-TCHCSN ngày 18/11/2015 về việc bổ sung đơn giá chưa có trong Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật số 26/QN-T-013.2/2013/HĐ-VLAP ngày 25/02/2013 thuộc dự án VLAP, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

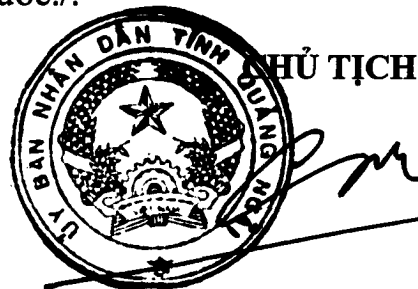
1. Cho phép Sở Tài nguyên và Môi trường thanh quyết toán đơn giá các mức khó khăn phát sinh đối với Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật số 26/QN-T-013.2/2013/HĐ-VLAP ngày 25/02/2013, cụ thể như sau:

| TT | Hạng mục công việc | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) |
|-----|---|-------------|----------------|
| | Đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 | | |
| I | Phụ cấp khu vực 0,2 | | |
| 1 | Mức khó khăn 2 | Ha | 2.885.575 |
| 2 | Mức khó khăn 4 | Ha | 4.331.032 |
| II | Phụ cấp khu vực 0,3 | | |
| 1 | Mức khó khăn 2 | Ha | 2.945.527 |
| 3 | Mức khó khăn 4 | Ha | 4.420.670 |
| III | Phụ cấp khu vực 0,4 | | |
| 1 | Mức khó khăn 2 | Ha | 2.960.183 |
| 3 | Mức khó khăn 4 | Ha | 4.450.653 |

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về sự chính xác số liệu tính toán xác định đơn giá các mức khó khăn; đồng thời quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn định mức và quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV963).



Trần Ngọc Căng